

CHƯƠNG TRÌNH “PHÒNG VỆ XÓM LÀNG” CỦA MỸ Ở ĐẮK LẮK (1961-1962)

TRẦN THỊ LAN*

Theo người Mỹ, vào đầu năm 1961, “tình hình ở nông thôn Nam Việt Nam ngày càng căng thẳng”. Nhằm tìm ra những ý tưởng mới để đấu tranh chống lại mối đe dọa của cộng sản đang ngày càng trở nên nghiêm trọng, Mỹ đã tung người của Cơ quan tình báo C.I.A (Central Intelligence Agency) vào một loạt các chương trình nhằm đương đầu với tình thế một cách cụ thể hơn, thay vì chỉ đơn giản làm cái công việc báo cáo lại những gì đã xảy ra theo như thường lệ. Chương trình “Phòng vệ xóm làng” (Village Defense Program - VDP) được Sở C.I.A Sài Gòn nghiên cứu và cho thực hiện thí điểm ở Buôn Ea Nao, tỉnh Đắk Lắk bắt đầu từ tháng 10-1961.

Để chuẩn bị cho chương trình “Phòng vệ xóm làng”, từ giữa năm 1961, Sở C.I.A ở Sài Gòn đã tìm cách móc nối với các cơ sở ở miền núi Tây Nguyên. Một trong những đầu mối tiếp xúc là một thanh niên người Mỹ - David A. Nuttle làm việc cho cơ quan Tình nguyện quốc tế (International Voluntary Services) một tổ chức từ thiện tư nhân, tiền thân của Đội hòa bình (Peace Corps) của Tổng thống J. Kennedy. Nuttle

đã sống, làm việc giữa một buôn làng Êđê và nhanh chóng nhận thấy “chính quyền và quân đội Sài Gòn rất ít quan tâm đến dân miền núi”, lo ngại rằng “những người dân ấy rất dễ bị cộng sản gây sức ép hay lôi kéo” (1). Nuttle đã thuyết phục W. Colby - Người lãnh đạo Sở C.I.A Sài Gòn: Người Êđê có thể tự bảo vệ mình nếu như họ được tổ chức và trang bị vũ khí. Colby cho “ý tưởng đó có lý” và ông nhận định: *Thứ nhất*, với một lực lượng vũ trang bao gồm sắc dân thiểu số sẽ làm cho chính quyền miền Nam tăng thêm khả năng chống xâm nhập của cộng sản vào những khu vực hẻo lánh; *Thứ hai*, nhóm sắc dân thiểu số đông đảo nhất là người Thượng, họ bị chính quyền miền Nam “không màng đến”, coi như những “công dân hạng ba (hạng bét)”, nên rất dễ bị cộng sản tuyên truyền, xúi dục, và tuyển mộ. Hơn nữa, sự kiểm soát của địch trên vùng Cao nguyên cũng là một điều đáng lưu ý. Colby và cơ quan C.I.A tin rằng, “những người dân miền núi có thể tự bảo vệ được thì điều đó sẽ tước đi một của cộng sản những căn cứ và sự ủng hộ mà cộng sản rất cần và hy vọng vào đó có thể đứng chân trên vùng núi” (2). Do vậy, Colby đồng

*ThS. Trường Đại học Tây Nguyên

ý xây dựng một chương trình nhằm giúp đồng bào các dân tộc thiểu số Tây Nguyên có khả năng "tự bảo vệ" bằng cách trang bị vũ khí, phương tiện truyền tin, bố phòng buôn làng, huấn luyện quân sự thành lập lực lượng biệt kích và nhân dân chiến đấu.

Rõ ràng một kế hoạch như thế cần phải được đề cập một cách cẩn trọng để không gây nên bất kỳ một sự nghi ngờ nào hay một sự chống đối dù nhỏ nhất của các quan chức Sài Gòn. Đó là lý do giải thích tại sao Colby và các đồng nghiệp của mình không thể áp dụng kế hoạch này bằng con đường thông thường, tức là thông qua chính quyền Ngô Đình Diệm, cũng như không thể đưa nó vào chương trình A.I.D (American International Development - Tổ chức phát triển quốc tế của Mỹ), mà họ thực hiện chương trình "*Phòng vệ xóm làng*" một cách cẩn thận, khiêm tốn và theo "*cách làm việc riêng của C.I.A*". Mặc dù, Colby gọi "*Phòng vệ xóm làng*" là một chương trình "nhỏ bé" nhưng sự chuẩn bị cho nó lại đòi hỏi khá khe với những "tiêu chuẩn": Sự tinh tế về chính trị, sự mềm dẻo trong điều hành quản lý tài trợ về tiền của và hậu cần và sự khéo léo để vận dụng kế hoạch cho phù hợp với những yêu cầu khác nhau của địa hình.

Tháng 10-1961, sau khi mọi chuẩn bị ban đầu đã xong, ngay cả việc báo cáo và chờ sự cho phép của ông cố vấn Ngô Đình Nhu cũng như Đại sứ Mỹ Elbridge Durbrow, một phái đoàn gồm David A. Nuttle, Trung Sĩ Paul F. Campbell - Quân Y Lực lượng Đặc biệt, thuộc Liên Đoàn 1 Lực lượng Đặc biệt Mỹ cùng với mấy thành viên của Lực lượng Đặc biệt Mỹ (giúp cho việc cố vấn và huấn luyện bán quân sự) đến Buôn Ea Nao, tỉnh Đắk Lắk.

Về phía chính quyền tỉnh Đắk Lắk, báo cáo của Tỉnh trưởng - Thiếu tá Nguyễn Văn Bảng gửi Bộ Trưởng Bộ Nội vụ, số

694/NA/CT/M ngày 13-3-1962 về "*Kế hoạch xây dựng áp chiến lược Thượng*" đã đề cập đến chương trình "*Phòng vệ xóm làng*" như sau: "*Khoảng hạ tuần tháng 10 năm 1961, phái đoàn của cơ quan liên lạc Phủ Tổng thống đã hướng dẫn một số cố vấn Mỹ tới gặp Thiểm Tỉnh để thảo luận về vấn đề huấn luyện và thành lập một lực lượng biệt kích nhân dân người Thượng*" (3). Như vậy, rõ ràng mục đích cốt yếu của chương trình "*Phòng vệ xóm làng*" là nhằm huấn luyện võ trang đồng bào các dân tộc thiểu số, để họ trở thành lực lượng biệt kích, nhân dân chiến đấu chống phá cách mạng trên địa bàn miền núi Tây Nguyên. Tuy nhiên, âm mưu đó không thể công khai, do vậy mà phải được che đậy bởi các hoạt động y tế, giáo dục, cải tiến canh nông. Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Bảng đã nói rõ biện pháp thực hiện chương trình này trong báo cáo gửi Bộ Trưởng Bộ Nội vụ: "*Buôn Ea Nao tọa độ AQ 838.050 được chọn làm địa điểm để thực hiện công tác dưới hình thức che dấu khởi thủy là thực hiện một chương trình cải tiến dân sinh, nặng về vấn đề y tế hương thôn*" (4). Ngày 1-10-1961, chương trình "*Phòng vệ xóm làng*" được thực hiện thí điểm tại Buôn Ea Nao - một buôn của tộc người Êđê ở cách trung tâm Thị xã Buôn Ma Thuột khoảng 10km theo hướng Đông Bắc, gần trục Đường 21 (Nay là Quốc lộ 26 Buôn Ma Thuột đi Ninh Hòa).

Trung sĩ Campbell kể lại lần đầu tiên gặp gỡ những vị già làng trong Buôn Ea Nao: Nuttle giải thích cho họ rằng, chương trình "*Phòng vệ xóm làng*" nhằm cải thiện đời sống, việc làm rẫy, trồng lúa, y tế của đồng bào Thượng. Sau đó, chúng tôi tổ chức huấn luyện và chỉ dẫn việc bảo vệ xóm làng, không cho người lạ vào trong làng, ngăn ngừa Việt cộng và cả quân đội Việt Nam Cộng hòa. Công việc này nhằm tạo

tính "tự lập, tự cường", những người dân làng sẽ có khả năng đứng lên bảo vệ xóm làng của mình.

Sau hai tuần lễ "thương thuyết", và đặc biệt Trung sĩ quân y Campbell biểu diễn tài chữa bệnh cho dân làng rất thành công, những vị già làng ưng thuận và tuyên thệ trung thành với công việc tổ chức phòng vệ xóm làng. Đồng bào Buôn Ea Nao đã làm một hàng rào hai lớp bằng gỗ và tre xung quanh làng (5), đào hầm trú ẩn cho người già, đàn bà và trẻ con, xây dựng công sự chiến đấu, bố phòng chống nhọn ở những nơi không có người qua lại. Họ xây cất một khu huấn luyện (Trung tâm huấn luyện Ea Nao), một bệnh xá và tổ chức đường dây lấy tin tức (theo dõi những sự di chuyển của cộng sản trong khu vực và báo động về sở chỉ huy khi bị tấn công). Họ nhanh chóng học được cách sử dụng những vũ khí cũ kỹ được trang bị và đặc biệt thích thú với chiếc máy bộ đàm.

Khoảng một tháng sau, Buôn Ea Nao được rào kiên cố, Sở C.I.A Sài Gòn gửi lên một số vũ khí, Sở Liên lạc Phủ Tổng thống đưa lên một số cán bộ quân sự người Thượng và số cố vấn Mỹ tăng từ 2 lên 4 người. Nhân viên C.I.A đã thể hiện sự khôn khéo khi "*để khỏi đụng chạm đến tính nhạy cảm của người Việt Nam* (những nhà lãnh đạo các cấp của chính quyền Ngô Đình Diệm - tác giả) *họ vẫn để tương cờ Việt Nam* (cờ của chính phủ Việt Nam Cộng hòa - tác giả) *và lực lượng đặc biệt Việt Nam sẽ cùng chia sẻ trách nhiệm với người Mỹ trong việc huấn luyện và chỉ huy*" (6). Nhờ đó, không ai biết sáng kiến thực sự về chương trình này là của người Mỹ.

Đến giữa tháng 12-1961, "thí nghiệm Buôn Ea Nao" hoàn thành. Vị Tỉnh trưởng Đắk Lắk Nguyễn Văn Bổng cho phép phát triển ra thêm bốn mươi buôn làng Êđê khác

trong khu vực đường bán kính 15km từ tâm điểm Buôn Ea Nao và "ép buộc" các vị già làng, chủ làng, chủ đất phải thụ huấn quân sự. Theo tài liệu "*Lực lượng đặc biệt Mỹ 1961 - 1971*" (U.S. Army Special forces 1961 - 1971) của Ban Nghiên cứu quân đội Hoa Kỳ kết quả của chương trình "*Phòng vệ xóm làng*" ở 40 buôn làng Êđê trong thời gian từ tháng 12-1961 đến tháng 4-1962 như sau: dân số trong các buôn làng được tổ chức phòng vệ là 14.000 người; số dân được trang bị và huấn luyện võ trang trở thành lực lượng biệt kích (Strike forces) là 300 người và lực lượng nhân dân chiến đấu (villagers) là 900 người (7).

Nói về vai trò của lực lượng biệt kích (xung kích) và nhân dân chiến đấu trong chương trình "*Phòng vệ xóm làng*", Phiếu trình Tổng thống của Tỉnh trưởng Đắk Lắk Thiểu tá Nguyễn Thông số 7215/NA/CTM, ngày 24-8-1962 về "*Hoạt động của Trung tâm Ea Nao*" cho biết: Lực lượng biệt kích thường được tung vào các vùng bất an nhằm để tìm, bám sát, tiêu diệt địch (cộng sản) bằng du kích chiến và yểm trợ tiếp viện các buôn, ấp khi bị địch tấn công; còn lực lượng nhân dân chiến đấu hoạt động phản du kích dưới sự chỉ huy, kiểm soát và quản trị của Trung tâm Ea Nao để bảo vệ buôn, chống xâm nhập của phiên cộng (8).

Những thanh niên đồng bào Êđê được tuyển chọn trở thành biệt kích và nhân dân chiến đấu tập trung ở Trung tâm Ea Nao một khóa với thời gian 4 tuần, mỗi ngày 8 giờ. Chương trình huấn luyện quân sự cơ bản các kỹ năng về du kích, tuần tiểu, phục kích; đối với cấp chỉ huy nội dung huấn luyện như trên, nhưng thêm phần tâm lý chiến, nguyên tắc căn bản của người chỉ huy và nguyên tắc căn bản của hành quân phối hợp. Sau khi hoàn tất khóa huấn luyện, số biệt kích này được cấp phát vũ

khí và trở về buôn làng của mình (vũ khí được cấp phát thuộc loại súng trường kiểu 03, tiểu liên Madsen, súng trường Carbine và trung liên Bar) (9).

Khối lượng vũ khí cũng được Mỹ tăng cường trang bị cho Trung tâm Ea Nao qua bảng tổng kết quân dụng vào ngày 20-2-1962 và ngày 8-3-1962 tại Ea Nao (xem bảng 1).

Bảng 1: Số lượng vũ khí tăng cường cho Trung tâm Ea Nao (1962)

Tên vũ khí	Ngày 20-2-1962	Ngày 8-3-1962
Súng trường Carbine	120 khẩu	250 khẩu
Súng trường kiểu 03	-	260 khẩu
Tiểu liên SMG-K	72 khẩu	120 khẩu
Tiểu liên Madsen	-	350 khẩu
Tiểu liên Sten	61 khẩu	61 khẩu
Trung liên Bar	04 khẩu	24 khẩu
Pháo 60 ly	01 quả	05 quả
Lựu đạn M24	150 quả	-
Lựu đạn khối lán tính WP M34	150 quả	-
Hỏa pháo bảy M49AI	100 quả	-
Máy truyền tin ARNPC	10 cái	-

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, ký hiệu tài liệu D6 nhất Cộng hòa 7663

Chương trình “Phòng vệ xóm làng” (VDP) phát triển rất nhanh, trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 12-1962, thêm hai trăm buôn Êđê khác được “đoàn ngũ hóa”. Cũng theo tài liệu “*Lực lượng đặc biệt Mỹ 1961-1971*” kết quả của chương trình “Phòng vệ xóm làng” ở 200 buôn làng Êđê tiếp theo (từ tháng 4-1962 đến tháng 12-1962) gồm có: dân số trong các làng phòng vệ là 60.000 người; số dân trong làng được trang bị và huấn luyện võ trang trở thành lực lượng biệt kích là 1.500 người và lực lượng nhân dân chiến đấu là 10.600 người (10). Đến cuối năm 1962, “chuyến làm ăn coi bộ khăm khà”, chính quyền Sài Gòn trao trách nhiệm chương trình này cho vị Tỉnh trưởng Đăk Lăk với chỉ thị huấn luyện thêm những tộc người Jarai và M’Nông. Tuy nhiên trên thực tế, chính quyền Đăk Lăk không cho tiếp tục phát

triển chương trình này một cách độc lập mà kết hợp với kế hoạch xây dựng ấp chiến lược Thượng của tỉnh. Như vậy, chương trình “Phòng vệ xóm làng” từ thí nghiệm thành công ở Buôn Ea Nao đã được nhân rộng ra các làng khác để tạo thành một vành đai bảo vệ cho Buôn Ma Thuột - Trung tâm chính trị của Tây Nguyên.

Có thể nhận thấy, chương trình “Phòng vệ xóm làng” là một trong những biện pháp để “hiện thực hóa” ý đồ tác chiến của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm trên chiến trường Tây Nguyên. Vì chính trong tài liệu “*Dự án kế hoạch tác chiến tại miền Thượng du*”, ngày quyền đã phải thừa nhận “để thắng địch, điều kiện tiên quyết là phải tranh thủ lại nhân dân trong tay Việt cộng” (11). Do vậy, chúng đặt ra mục tiêu: “làm thế nào tách rời cộng phi ra khỏi quảng đại quần chúng, khép chặt nhân dân làm một lực lượng hỗ trợ cho ta” (12). Việc triển khai chương trình “Phòng vệ xóm làng” mà mục tiêu quan trọng nhất nhằm trang bị vũ khí, huấn luyện quân sự cho đồng bào các dân tộc thiểu số Tây Nguyên và chỉ khi làm được như vậy “mới mong tiêu diệt địch (cộng sản) một cách tận gốc và lâu dài” (13).



Nguồn: <http://www.history.army.mil/books/Vietnam/9023/map2.GIF>

Nói tóm lại, chương trình “Phòng vệ xóm làng” của Mỹ để giải quyết vấn đề an ninh trên những địa bàn miền núi Tây Nguyên - nơi mà chính quyền và quân đội Sài Gòn có nhiều sơ hở. Về phía chính quyền Đắk Lắk, vị Tỉnh trưởng đã tiếp nhận chương trình này với “ngụ ý sâu xa là cố hướng dẫn công tác này trong phạm vi thiết lập buôn chiến lược sau này” (14), để tranh thủ nhận nguồn tiền viện trợ và vũ khí của Mỹ. Do vậy, Tỉnh trưởng Đắk Lắk đã tạo điều kiện thuận lợi cho chương trình phát triển nhanh chóng. Tuy trên thực tế số lượng

buôn làng đồng bào Êđê tham gia chương trình “Phòng vệ xóm làng” đông đảo (200 buôn) nhưng thực chất theo chính sự thừa nhận của W. Colby: “Lý do họ tham gia vào chương trình là ở những lợi ích mà việc giúp đỡ y tế, hỗ trợ nông nghiệp và một số lợi ích vật chất khác đem lại cho họ” (15) chứ không phải về bố phòng buôn làng, trang bị vũ khí hay huấn luyện quân sự, đào tạo biệt kích nhằm chống phá cách mạng như mục tiêu chính, quan trọng của chương trình đã đề ra. Do vậy, ngay từ đầu chương trình “Phòng vệ xóm làng” đã có những yếu tố phát triển không bền vững và không thực hiện đúng mục tiêu cốt lõi của nó.

Đắk Lắk nói riêng, Tây Nguyên nói chung là địa bàn có vai trò chiến lược đặc biệt quan trọng, do vậy Mỹ và chính phủ Việt Nam Cộng hòa cùng với việc triển khai các chiến lược chiến tranh, sử dụng các loại vũ khí tối tân để đàn áp và thủ tiêu phong trào kháng chiến, thì họ còn tiến hành những thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt để tranh thủ “trái tim, khối óc” của người dân Tây Nguyên. Chương trình “Phòng vệ xóm làng” là một trong những biện pháp để thực hiện âm mưu chống phá cách mạng của đế quốc Mỹ trên địa bàn chiến lược này.

CHÚ THÍCH

(1), (2). William Colby, *Một chiến thắng bị bỏ lỡ*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2007, tr. 120, 121.

(3). Báo cáo của Tỉnh trưởng Đắk Lắk số 694/NA/CT/UM ngày 13-3-1962 về việc “Kế hoạch xây dựng ấp chiến lược Thượng”, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, ký hiệu tài liệu Đệ nhất Cộng hòa 7663.

(4), (9), (14). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, ký hiệu tài liệu Đệ nhất Cộng hòa 7663.

(5). Nhân công sử dụng trong việc rào làng được chương trình trả tiền 20\$00/1 người/ 1 ngày.

(6). William Colby, sđd, tr. 122.

(7), (10). <http://www.history.army.mil/books/Vietnam/90-23/map2.GIF>

(8). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, ký hiệu tài liệu Đệ nhất Cộng hòa 7274.

(11), (12), (13). Việt Nam Cộng hòa (1960), *Dự án tác chiến miền Thượng du*, TLLT Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đắk Lắk, ký hiệu: 15-D1-15, tr. 18.

(15). William Colby, sđd, tr. 123.